TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2018/HSST
Ngày 25-07-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị T Hảo
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Miện
Bà Hoàng Thị Lê Dung

- Thư K phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Nga – Thư K của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên toà: Ông Lê Anh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 07 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 122/2018/HSST ngày 02 tháng 07 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2018/QĐXXST- HS ngày 05 tháng 07 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn K, sinh năm 1967 (không xác định được ngày, tháng sinh) tại Campuchia; nơi đăng ký HKTT: Khu phố 1, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai; nơi ở: không xác định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P (chết) và bà Lê Thị T (chết); chung sống như vợ chồng với Lê Thị Ph, có một con sinh năm 2003; tiền sự: không;

Tiền án :

- Bản án số 152/2013/HSPT ngày 13-11-2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 20 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Bản án số 44/2016/HSST ngày 11-07-2016 của Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Kon Tum xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị bắt ngày 06 tháng 04 năm 2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an thành phố V (bị cáo có mặt).

Bị hại: Đỗ Thế T, sinh năm 1983; cư trú tại: Số B3 – Tầng 9, Chung cư 242 N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

Người làm chứng: Đỗ T D, sinh năm 1958; cư trú tại: Số B3-Tầng 9, Chung cư 242 N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 06-04-2018, Nguyễn Văn K đi bộ qua Trung tâm bồi dưỡng văn hóa Quỳnh Thy tại 243 N, phường T, thành phố V; phát hiện thấy quầy lễ tân có 01 máy tính xách tay hiệu HP của anh Đỗ Thế T nhưng không có người trông coi nên K lén lút lấy trộm chiếc máy tính rồi bỏ chạy. Khi K vừa ra khỏi trung tâm thì bị ông Đỗ T D phát hiện bắt giữ cùng vật chứng.

Biên bản xác định giá trị tài sản của Hội đồng định giá xác định: 01 máy tính xách tay hiệu HP trị giá 8.500.000 đ.

Bản cáo trạng số 112/CT-VKS ngày 26-06-2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố Nguyễn Văn K về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội " Trộm cắp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo mức án từ 02 đến 03 năm tù.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo xác định vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 06-04-2018, tại số 243 N, phường T, thành phố V; bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 máy tính xách tay hiệu HP trị giá 8.500.000 đ của người bị hại. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các đương sự trong vụ án, phù hợp với biên bản tạm giữ vật chứng, các tài liệu chứng cứ khác đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên tòa. Bị cáo có hai tiền án, đã tái phạm, chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội do lỗi cố ý. Vì vậy, hành vi bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 với tình tiết định khung hình phạt là tái phạm nguy hiểm.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại quyền sở hữu tài sản công dân, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương. Bị cáo đã từng hai lần bị kết án với mức hình phạt nghiêm nhưng không có ý thức ăn năn hối cải, sửa chữa lỗi. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương ứng với hành vi phạm tội, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại về vật chất, tài sản đã được thu hồi ngay trả lại người bị hại; bị cáo thành khẩn khai báo. Nên xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Người bị hại xác định đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì thêm về phần trách nhiệm dân sự, nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí : Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt Nguyễn Văn K 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06 tháng 04 năm 2018.

3. Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

4. Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị T Hảo

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Thi hành án dân sự thành phố V;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố V;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.